

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr-SNNMT ngày 13/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Liên danh VIF - Tân Phát (đại diện là Công ty Cổ phần đầu tư tài chính VIF Việt Nam), địa chỉ tại lô 34 BT5 Khu đô thị mới Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tại phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0103231834, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/07/2025 do phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần đầu tư tài chính VIF Việt Nam.

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2300321135, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/05/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Tân Phát.

- Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

1.4. Mã số thuế: 0103231834.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

* Diện tích: 8.463,72 m².

* Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

+ Dự án có tiêu chí về môi trường Nhóm III (*theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và STT2, Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP*).

* Quy mô công suất của dự án

- Đầu tư xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán đồng bộ về công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình nhà cao tầng, công trình nhà ở liền kề trên khu đất có diện tích 8.463,72 m²:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án theo quy hoạch tổng mặt bằng được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 597/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Công trình hỗn hợp cao tầng: Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng cao 20 tầng gồm khối đế cao 03 tầng, khối tháp 17 tầng và 02 tầng hầm với tổng diện tích khoảng 1.039 m²;

- Công trình nhà liền kề: Dãy LK2 tiếp giáp đường H cao 07 tầng, được quy hoạch mặt tiền rộng, hình thức kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn về kiến

trúc, cảnh quan cho khu vực mặt đường H; dãy LK1 cao 05 tầng; chỉ giới xây dựng mặt trước cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3,0m ; ngôn ngữ kiến trúc hiện đại, đồng bộ và hài hòa.

- Quy mô dân số khoảng 956 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh VIF - Tân Phát được cấp Giấy phép môi trường:

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Liên danh VIF - Tân Phát có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Kinh Bắc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Kinh Bắc và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1192/QĐ-SNNMT ngày 23/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở để bán tại phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; UBND phường Kinh Bắc; Liên danh VIF - Tân Phát và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN_{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình hỗn hợp cao tầng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà liền kề 5 tầng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà liền kề 7 tầng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm của dự án xả ra kênh tiêu T1 phía Tây Bắc dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu T1 phía Tây Bắc dự án tại tổ dân phố Khúc Toại, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm của dự án xả ra kênh tiêu T1 phía Tây Bắc dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°00', múi chiếu 3°): X=2343708.11; Y=401155.58.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 205 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 8,54 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm của dự án được bơm cưỡng bức theo đường ống áp lực uPVC D60mm chiều dài 80m xả ra kênh tiêu T1 phía Tây Bắc dự án.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung), cột A, bảng 2 cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kì	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2025/BTNMT cột A, Bảng 2		
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5-9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 30		
4	COD	mg/l	≤ 80		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 50		
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	≤ 6,0		
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 25		
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 4,0		
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000		
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,2		
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 10		
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các công trình nhà liền kề được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại thể tích 3 m³/bể/nhà) sau đó sẽ được dẫn qua các ống uPVC D300mm với tổng chiều dài 198,5m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ ngày đêm để xử lý.

- Nước rửa sàn của các công trình nhà liền kề được dẫn qua các ống uPVC D300mm với tổng chiều dài 198,5m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của công trình hỗn hợp cao tầng được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn (01 bể tự hoại thể tích khoảng 87,3 m³; 01 bể tự hoại thể tích khoảng 56 m³; 01 bể tự hoại thể tích khoảng 44

m³) sau đó sẽ được dẫn qua các ống uPVC D200mm với tổng chiều dài 3m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp của công trình hỗn hợp cao tầng được xử lý sơ bộ qua 03 bể tách mỡ (01bể tách mỡ thể tích khoảng 8,7m³ ; 01 bể tách mỡ thể tích khoảng 4,2 m³; 01bể tách mỡ thể tích khoảng 4,2 m³) sau đó sẽ được dẫn qua các ống uPVC D200mm với tổng chiều dài 3 m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ ngày đêm để xử lý.

- Nước rửa sàn của công trình hỗn hợp cao tầng được dẫn qua các ống uPVC D200 - 300mm với tổng chiều dài 50m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm:

Nước thải từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn + nước thải khu vực nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ + nước rửa sàn → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 01 +MBBR → Bể hiếu khí 02 +MBBR → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột A.

- Công suất thiết kế: 205 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen; Methanol.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Quan trắc, giám sát chất lượng nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất quy định để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục của các hệ thống xử lý nước thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra bơm, máy thổi khí, bơm định lượng hóa chất, bơm nước thải, tiến hành sửa chữa hoặc thay mới các thiết bị hư hỏng.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống theo hướng dẫn của đơn vị tư vấn và thiết kế hệ thống.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trường hợp máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn xả thải, dừng hoạt động để tiến hành sửa chữa, thay thế kịp thời bằng các thiết bị, máy móc dự phòng.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, khi đó chủ dự án thực hiện thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải của hệ thống xử lý nước thải và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2028 đến hết tháng 3/2028.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm.

- 01 vị trí nước thải đầu ra tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu (giai đoạn vận hành ổn định):

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 2/2028	Lưu lượng, pH, BOD ₅ (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (N-NH ₄ ⁺) (tính theo N), Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Sunfua (S ²⁻), Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt	QCVN 14:2025/ BTNMT, cột A, bảng 2

2	01 vị trí nước thải đầu ra tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 2/2028	động bề mặt anion.	
---	--	---	--------------------	--

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

3.3. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Kinh Bắc và cơ quan quản lý kênh T1 (*trong trường hợp nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong kênh tiêu T1 phía Tây Bắc dự án*) để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 205m³/ngày đêm của dự án.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*khu vực B - Nhà ở: Nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ*), QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực B – Nhà ở: Nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ*), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	50	45	Không thuộc đối tượng	Khu vực B

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm

thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Trồng cây xanh quanh hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 510 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 9.498 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 1.242,8 kg/ngày, tương đương 453.622 kg/năm.

- Bùn thải dự kiến phát sinh từ các bể tự hoại khoảng 20.000 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 420 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho chứa: Không bố trí

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống. Bùn thải được hút định kỳ và chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải được chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 20m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Liên danh VIF - Tân Phát có trách nhiệm thực hiện:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường này.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Kinh Bắc trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

6. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số

05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.